

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA

Số: 47 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Krông Pa, ngày 28 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 224/LICOGI16GL, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI 16 tại buôn B'Lang, xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định huyện tại Tờ trình số 17/TTr-TTĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI 16 tại buôn B'Lang, xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI 16.

1.2. Địa điểm hoạt động: Buôn B'Lang, xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5901096923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 04/07/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 03 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 5901096323.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất điện mặt trời.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc – EVNLICOGI 16 với tổng số vốn đầu tư khoảng 326,8 tỷ đồng. Dự án thuộc nhóm B, quy định tại khoản 2, Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (Dự án có vốn đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng).

- Tổng diện tích xây dựng: 175.491,5 m²

- Công suất thiết kế: 15MWp.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải nguy hại quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOI 16 Gia Lai.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOI 16 Gia Lai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan

chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai;
- Phòng TN&MT huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- UBND xã Chư Ngọc;
- Lưu VT, TN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *47* /GPMT-UBND
 ngày *28* tháng *5* năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường Quốc Lộ 25 tại điểm có tọa độ X(m) = 1456633; Y(m) = 524077.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại mương thoát chung khu vực tại điểm có tọa độ X(m) = 1456796; Y(m) = 524122 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $0,96 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B. Các giá trị thông số ô nhiễm đặc trưng được quy định như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc liên tục, tự động (nếu có)
1	pH	-	5-9	6 tháng/lần	Không có
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		

10	Phosphat (PO_4^{3-})(tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục :

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Với nước thải xám (nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay chân...) của Nhà máy là được dẫn theo đường ống nhựa PVC $\Phi 60$ sẽ được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn tại vị trí bồn rửa mặt, nhà tắm, sau đó chảy về bể tự hoại 3 ngăn.

- Với nước thải đen (nước thải và chất thải từ các nhà vệ sinh) toàn bộ nước thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng dưới nền công trình nhà vệ sinh. Sau đó nước thải sinh hoạt sau xử lý của Nhà máy sẽ được đầu nổi ra mương thoát nước chung khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn (Ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc) → Mương thoát nước chung.

- Chủ dự án xây dựng 4 Bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV, nước thải sau đó đầu nổi vào mương thoát nước chung khu vực. Thể tích 01 bể tự hoại 3 ngăn: $8,73\text{m}^3$ ($B \times L \times H = 2,62\text{m} \times 2,02\text{m} \times 1,65\text{m}$).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố :

Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, hóa chất để vận hành thường xuyên hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy.

PHỤ LỤC 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47 /GPMT-UBND
ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trạm biến áp

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ X(m)= 523681; Y(m) = 1457144. Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Nhà máy nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, thiết bị trạm biến áp,..... nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *47*/GPMT-UBND
 ngày *28* tháng *5* năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu nhớt tổng hợp thải	17 02 04	Lỏng	40
2	Ghế lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	8
3	Dầu truyền nhiệt và các điện tổng hợp thải	17 03 04	Lỏng	50
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	2
5	Tấm pin	19 02 08	Rắn	180
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	4
7	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	2
	Tổng			286

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy khoảng 10,8 kg/ngày.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Bố trí 3 thùng dung tích 120 lít và 3 thùng 60 lít chứa toàn bộ CTNH phát sinh, các thùng có nắp đậy kín, có dán mã chất thải nguy hại để phân biệt.

1.2. Khu lưu chứa

- Bố trí khu vực chứa CTNH có diện tích 30m² (6 x 3m) trong kho chứa để lưu giữ tạm thời CTNH. Kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh ảnh hưởng đến mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa. Bên ngoài bố trí biển cảnh báo CTNH, thiết bị PCCC.

- Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại định kỳ theo đúng quy định xử lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Nhà máy thu gom và chứa chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng nhựa có nắp đậy kín và được bố trí trong nhà nghỉ nhân viên, nhà làm việc, nhà điều khiển, dọc đường nội bộ và sân. Mỗi vị trí 2 thùng 60-120 lít có nắp đậy và dán nhãn để tiến hành phân loại rác thải ngay tại nguồn.

- Đối với các loại rác có khả năng tái sử dụng, tái chế sẽ được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải không tái chế được sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị đầy đủ chức năng thu gom theo đúng quy định.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa)*

Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn theo nội dung Báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường của dự án.
- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện Krông Pa giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của dự án (nếu có)..
- Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án (nếu có).
- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình thanh tra, kiểm tra.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.